

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn số 2822/STNMT-QLMT ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 441/TTr-STNMT ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I”.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I” (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất - Thương mại Nguyễn Trình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại ấp Giồng Trôm, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- DNTN SX - TM Nguyễn Trình;
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, GTVT, TN&MT, XD;
- UBND huyện Châu Thành;
- UBND xã Mỹ Chánh - huyện Châu Thành;
- LDVP;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quỳnh Thiện**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
“TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE CƠ GIỚI  
ĐƯỜNG BỘ LOẠI I”**

*(Kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023.

- Tên Dự án: Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại I.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp Giồng Trôm, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Chủ dự án: Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất - Thương mại Nguyễn Trình (địa chỉ: Đường Nguyễn Đăng, khóm 10, phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh).

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

- Quy mô, công suất: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 49.653,4 m<sup>2</sup> (trong đó, đất do Nhà nước quản lý 1.127 m<sup>2</sup>).
- Công suất thiết kế: 8.000 - 10.000 học viên/năm.
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Sơ cấp nghề lái xe các hạng (A1, A2, B1, B2, C, D, E và FC), sát hạch lái xe cơ giới loại I.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án**

**1.3.1. Các hạng mục công trình**

- Các hạng mục công trình chính và công trình phụ trợ của Dự án

Stt	Chức năng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Chiều cao tầng
<b>1</b>	<b>Diện tích xây dựng công trình</b>	<b>3.009,62</b>	-
1.1	Nhà làm việc chính	453,62	03
1.2	Nhà điều hành chấm thi	276	03
1.3	Nhà để xe nhân viên, học viên	960	01
1.4	Nhà để xe sát hạch	1.320	01
<b>2</b>	<b>Sân sát hạch các hạng B1, B2,C,D,E</b>	<b>18.000</b>	-

Stt	Chức năng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Chiều cao tầng
2.1	Diện tích đường sắt hạch	12.333	
2.2	Cây xanh	5.667	
<b>3</b>	<b>Sân sắt hạch hạng A1, A2, A3, A4, FC</b>	<b>15.000</b>	<b>-</b>
<b>4</b>	<b>Sân tập lái</b>	<b>8.000</b>	<b>-</b>
4.1	Diện tích đường tập lái	6.077	
4.2	Cây xanh	1.923	
<b>5</b>	<b>Sân đường giao thông nội bộ</b>	<b>3.372</b>	<b>-</b>
<b>6</b>	<b>Cây xanh</b>	<b>2.271,8</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>		<b>49.653,4</b>	

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án
- + Xây dựng hệ thống công thu gom, thoát nước mưa (bê tông, đường kính cống D400, D600, D800 và D1.000, hố ga; tổng chiều dài khoảng 1.482m).
- + Xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt (hầm tự hoại 3 ngăn, hồ lắng-lọc).
- + Bố trí thùng chứa rác sinh hoạt.
- + Bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại (trong hạng mục nhà xe), diện tích khoảng 02 m<sup>2</sup>.

### 1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Giai đoạn thi công, xây dựng: San lấp mặt bằng (đã hoàn thành), xây dựng các hạng mục công trình Dự án.
- Giai đoạn vận hành: Đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ cho học viên.

### 1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai (quy mô 4,96 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua việc chuyển mục đích đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác tại Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022).

## 2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động

## **xấu đến môi trường**

### 2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- San lấp mặt bằng: Đã hoàn thành.
- Vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải.
- Hoạt động thi công và hoạt động máy móc thiết bị thi công: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải sinh hoạt; chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn; độ rung, sự cố rủi ro.

### 2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động dạy, học, thi sát hạch và sinh hoạt của học viên chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn và sự cố rủi ro phát sinh.
- Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ thì Dự án nằm ngoài danh mục loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

### 3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

#### 3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:
  - + Nước thải từ quá trình thi công xây dựng công trình với lưu lượng rất ít, không liên tục, lưu lượng tối đa 04 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần chứa TSS, COD,...
  - + Nước thải sinh hoạt của công nhân: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân với lưu lượng khoảng 0,96 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; thành phần gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, các chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.
  - + Nước rỉ phát sinh từ khu vực san lấp bằng tro xỉ nhiệt điện: Tro xỉ san lấp đã được chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (Quyết định số 1006/QĐ-VKH ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Viện Khoa học công nghệ xây dựng); tổng lưu lượng nước rỉ phát sinh trong toàn giai đoạn thi công san lấp mặt bằng khoảng 10 - 15 m<sup>3</sup>; thành phần: pH và nồng độ TSS cao, các kim loại nặng hòa tan, một số gốc Cl<sup>-</sup>, ...
  - + Nước mưa chảy tràn: Không liên tục, chỉ phát sinh vào ngày mưa; có khả năng mang chất ô nhiễm khi chảy tràn qua mặt bằng khu vực thi công; đặc điểm Dự án chủ yếu tiếp giáp khu vực đất trồng lúa, kênh nên nước mưa chảy tràn sẽ tiêu thoát tốt.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Phát sinh từ khu vực mặt bằng trống đã san lấp, phương tiện vận chuyển, hoạt động bốc xếp, tập kết vật liệu xây dựng, hoạt động cơ khí; mang tính chất phân tán, không liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu

(CO, NO<sub>x</sub>, SO<sub>x</sub>,...); khu vực thi công có diện tích rộng, xung quanh chủ yếu là đất nông nghiệp nên mức độ ảnh hưởng thấp.

### 3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của công nhân thi công, thành phần bao gồm các loại vỏ đồ hộp, bao bì, chai nhựa, thủy tinh, thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau quả, giấy,..., khối lượng phát sinh khoảng 12 kg/ngày.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn xây dựng thông thường: Chủ yếu là các loại bao bì chứa vật liệu sau sử dụng, vật liệu xây dựng thừa, rơi vãi trong quá trình thi công; tổng khối lượng phát sinh khoảng 1.504,8 kg; thành phần chất thải có thể tái sử dụng ngay tại công trường thi công, tái chế.

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải nguy hại: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo trì phương tiện, máy móc và thiết bị thi công tại công trường, bao gồm: giẻ lau dính thành phần nguy hại, dầu phanh thải, dầu nhiên liệu và dầu diesel thải, que hàn thải, xỉ hàn; khối lượng phát sinh khoảng 21 kg/tháng.

### 3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thi công và hoạt động thi công.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp: Chiếm dụng 4,96 ha đất trồng lúa.

- Nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh từ khu vực san lấp bằng tro xỉ nhiệt điện.

- Các rủi ro, sự cố về an toàn lao động, an toàn giao thông trong quá trình thi công.

## 3.2. Giai đoạn vận hành

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

+ Nước mưa chảy tràn: Không liên tục, chỉ phát sinh vào ngày mưa; trường hợp có tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm sẽ có khả năng mang chất ô nhiễm. Đặc điểm Dự án tiếp giáp chủ yếu khu vực đất trồng lúa, kênh nên nước mưa chảy tràn sẽ tiêu thoát tốt.

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên với lưu lượng 22,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; thành phần gồm: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, các

chất dinh dưỡng (nitơ, phốt pho) và vi sinh vật.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Phát sinh từ các phương tiện giao thông tại Dự án; mang tính chất liên tục; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu ( $\text{CO}$ ,  $\text{NO}_x$ ,  $\text{SO}_x$ , ...).

### 3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của giáo viên, nhân viên và học viên; khối lượng phát sinh khoảng 248 kg/ngày; thành phần gồm thức ăn thừa, rau củ, bọc nylon, chai nhựa,...

- Nguồn phát sinh, quy mô (khối lượng) của chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động văn phòng, bảo trì hệ thống điện chiếu sáng; thành phần gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, pin thải với tổng khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/năm.

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Chủ yếu phát sinh từ hoạt động của phương tiện giao thông tại Dự án.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

### 3.2.4. Các tác động khác: Các sự cố, rủi ro cháy nổ.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

### 4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

#### 4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải xây dựng: Tận dụng tưới nền công trình, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Bố trí nhà vệ sinh (có hầm tự hoại) tại khu vực công trường.

+ Chất thải phát sinh tại nhà vệ sinh sẽ được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý đúng quy định khi kết thúc giai đoạn thi công.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể công nhân xây dựng, giữ gìn vệ sinh công cộng, không phóng uế bừa bãi.

- Nước rỉ phát sinh từ khu vực san lấp bằng tro xỉ nhiệt điện: Thực hiện quản lý, kiểm soát, quan trắc theo đúng Chỉ dẫn kỹ thuật Sử dụng tro xỉ nhiệt điện đốt than vào san lấp theo quy định tại Quyết định số 216/QĐ-BXD ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cụ thể:

+ Thực hiện lót lớp vải địa kỹ thuật, đảm bảo chống thấm nước rỉ vào môi trường đất, nước dưới đất.

+ Tạo rãnh thu gom nước rỉ dọc theo khu vực san lấp, cao trình hướng về khu vực ao chứa, đảm bảo khả năng tự chảy của dòng thải.

+ Bố trí khu vực ao chứa nước rỉ, diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup>, độ sâu trung bình khoảng 1,5 - 2,0 m.

+ Thực hiện quan trắc nước rỉ phát sinh từ tro xỉ san lấp mặt bằng tại ao chứa.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết chất thải rắn, vật liệu xây dựng đảm bảo không để tiếp xúc nước mưa chảy tràn.

+ Thiết bị, máy móc để ngoài trời phải che chắn cẩn thận; kiểm tra thường xuyên nhằm tránh dầu nhớt rò rỉ cuốn trôi theo nước mưa gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

+ Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu từng vị trí công trình và trả lại mặt bằng ngay khi thi công hoàn thành, nhằm hạn chế nước mặt chảy tràn cuốn theo đất cát, chất thải trên bề mặt xây dựng làm ô nhiễm đất.

+ Tạo các rãnh thoát nước để tiêu thoát nước mưa, tránh gập ngập úng khu vực xung quanh; thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tại các rãnh thoát nước.

#### 4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng phương tiện thi công, vận chuyển đảm bảo các yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường theo quy định; sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng đúng với tải trọng, che chắn kín; thực hiện vệ sinh bánh xe phương tiện vận chuyển khi ra vào khu vực Dự án đảm bảo không để rơi vãi vật liệu đất, cát ra tuyến đường tiếp giáp.

- Trong hoạt động cơ khí như hàn, cắt kim loại, công nhân được trang bị mặt nạ, găng tay, mũ bảo hộ, ... theo đúng quy định.

- Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh bụi; tần suất thực hiện đảm bảo mặt bằng luôn duy trì độ ẩm, không phát sinh bụi.

- Bố trí lưới rào bao quanh khu vực Dự án cao trung bình 2m nhằm hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh và giảm thiểu được các tác động của bụi đến các đối tượng lân cận Dự án.

- Bố trí khu vực tập kết vật liệu xây dựng cuối hướng gió, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại thời điểm xây dựng; đảm bảo che chắn kín khu vực tập kết vật liệu nhằm hạn chế, giảm thiểu phát sinh, phát tán bụi.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo



quy định.

#### 4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng chứa rác sinh hoạt (thể tích 120 lít) có nắp đậy tại khu vực lán trại để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh, tập kết vào thùng rác công cộng sau mỗi ca làm việc; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong công tác bảo vệ môi trường, thực hiện bỏ rác đúng nơi quy định, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực Dự án và khu vực xung quanh.

- Chất thải rắn xây dựng thông thường: Tuân thủ quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, cụ thể:

+ Bao bì chứa vật liệu xây dựng, vật liệu bằng kim loại (sắt, thép vụn): Thu gom vào kho chứa tạm (02 m<sup>2</sup>) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng (gạch vụn, đất, đá,...): Thu gom và tái sử dụng để san lấp mặt bằng Dự án.

+ Các loại chất thải rắn còn lại (không thu hồi, tái sử dụng): Thu gom, hợp đồng đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại loại 240 lít có nắp đậy kín, lưu trữ tại khu vực riêng trong kho chứa vật tư (diện tích 02 m<sup>2</sup>) và thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

- Đảm bảo công tác quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### 4.1.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý và nghiêm ngặt theo quy định.

- Các phương tiện vận chuyển, thi công đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Hoạt động ép cọc: Sử dụng máy ép cọc bê tông thủy lực.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc theo

quy định.

#### 4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp: Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo đúng quy định.

- Nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh từ khu vực san lấp bằng tro xỉ nhiệt điện: Tuân thủ đầy đủ các quy định theo Quyết định số 216/QĐ-BXD ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Chỉ dẫn kỹ thuật “Sử dụng tro xỉ nhiệt điện đốt than vào san lấp” và TCVN 12660:2019 - Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm nền đường ô tô - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu.

- Các rủi ro, sự cố trong quá trình thi công: Quá trình thi công đảm bảo tuân thủ các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông.

### 4.2. Giai đoạn vận hành

#### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

##### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với nước thải và thoát ra 02 kênh tiếp nhận.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: cống D400 (274 m), cống D600 (516 m), cống D800 (475 m), cống D1.000 (97 m), hố ga (61 cái).

+ Kênh tiếp nhận: Kênh N35 (kênh cấp II) và kênh Công Công An (kênh cấp III).

+ Thực hiện vệ sinh sân bãi, đường nội bộ, khu vực tập kết chất thải rắn, lưới chắn rác.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải → hầm tự hoại (01 hầm thể tích 14 m<sup>3</sup> và 01 hầm thể tích 34 m<sup>3</sup>) → hồ lắng – lọc (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,0) → kênh N35.

##### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên quét dọn, tưới nước đường và sân bãi, đặc biệt là những ngày nắng nóng nhằm hạn chế bụi phát sinh.

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo các yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật, an toàn môi trường và sử dụng nhiên liệu.

- Bố trí cây xanh dọc theo các tuyến đường nội bộ, xung quanh các sân sát hạch, sân tập lái (chiếm tỷ lệ khoảng 20% tổng diện tích dự án).

#### 4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác dọc tuyến đường nội bộ,

nhà vệ sinh, văn phòng,... (05 thùng thể tích 120 lít hoặc 240 lít, 20 thùng chứa rác 02 ngăn); thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện thu gom chất thải nguy hại phát sinh.
- Bố trí thiết bị lưu chứa gồm 03 thùng chứa (thùng nhựa HDPE, thể tích 120 lít/thùng).
- Bố trí khu vực lưu chứa (diện tích khoảng 02 m<sup>2</sup>) trong nhà xe.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Đảm bảo công tác quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Dự án chỉ sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo các yêu cầu về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường theo quy định.
- Bố trí cây xanh dọc theo các tuyến đường nội bộ, xung quanh các sân sát hạch, sân tập lái (chiếm tỷ lệ khoảng 20% tổng diện tích Dự án).
- Xây tường rào, đảm bảo cách ly Dự án với khu vực xung quanh.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư**

### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

#### **5.1.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**

- Thành phần giám sát: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, phân loại và xử lý.
- Tần suất: Hàng ngày.

#### **5.1.2. Giám sát chất lượng không khí xung quanh Dự án**

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí, gồm:
  - + 01 vị trí tại nhà dân nhất.
  - + 01 vị trí cách khu vực thi công dự án 200m, theo hướng gió chủ đạo.
- Thông số: Tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi lơ lửng và CO

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất: 01 lần trong giai đoạn xây dựng (thực hiện vào tháng 11/2023).

#### 5.1.3. Quan trắc nước rỉ từ khu vực san lấp bằng tro xỉ nhiệt điện

- Vị trí quan trắc: Ao chứa nước rỉ trong khu vực Dự án.

- Thông số quan trắc: Tất cả các thông số quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT; hoạt độ phóng xạ của các nhân phóng xạ Radi-226, Thori-232, Kali-40.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, TCVN 12249:2018 - Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung.

- Tần suất: 01 lần trong giai đoạn xây dựng (thực hiện vào tháng 11/2023).

#### 5.1.4. Quan trắc nước dưới đất

- Vị trí quan trắc: Giếng khoan tại hộ dân gần nhất.

- Thông số: pH, Độ cứng tổng số, Chỉ số pemanganat (COD (KMnO<sub>4</sub>)), Fe, Coliform, hoạt độ phóng xạ  $\alpha$ , hoạt độ phóng xạ  $\beta$ .

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- Tần suất: 01 lần trong giai đoạn xây dựng (thực hiện tháng 11/2023).

### 5.2. Giai đoạn vận hành

#### 5.2.1. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thành phần giám sát: Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: Khối lượng, công tác thu gom, phân loại và xử lý.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

#### 5.2.2. Giám sát nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu.

- Vị trí giám sát: Nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, TDS, Amoni, Sunfua, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Nitrat, Photphat, Dầu mỡ động - thực vật, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1).

- Tần suất: 03 tháng/lần.

### 5.2.3. Giám sát chất lượng không khí

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí, gồm:
  - + 01 mẫu tại khu vực sân tập lái.
  - + 01 mẫu tại khu vực sân sát hạch.
- Thông số: tiếng ồn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi lơ lửng và CO
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc.
- Tần suất: 06 tháng/lần.

### 5.2.4. Quan trắc nước dưới đất

- Vị trí quan trắc: Giếng khoan tại hộ dân gần nhất.
- Thông số: pH, Độ cứng tổng số, Chỉ số pemanganat (COD (KMnO<sub>4</sub>)), Fe, Coliform, hoạt độ phóng xạ  $\alpha$ , hoạt độ phóng xạ  $\beta$ .
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- Tần suất: 06 tháng/lần.

### 5.2.5. Quan trắc đất

- Vị trí quan trắc: Trong khuôn viên Dự án.
- Thông số: Hoạt độ phóng xạ của các nhân phóng xạ Radi-226, Thori-232, Kali-40.
- Quy chuẩn so sánh: TCVN 12249:2018 – Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp – Yêu cầu chung.
- Tần suất: 06 tháng/lần.

**6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:** Chủ dự án phải thực hiện các yêu cầu sau:

1. Chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu đã sử dụng, thông tin về Dự án trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm pháp lý về việc đã sử dụng tro xỉ nhiệt điện đốt than vào san lấp mặt bằng tại Dự án theo quy định tại Quyết định số 216/QĐ-BXD ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chỉ dẫn kỹ thuật “Sử dụng tro xỉ nhiệt điện đốt than vào san lấp”.

4. Phân loại, thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đúng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10

tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời, chất thải rắn xây dựng phải được quản lý theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Chủ dự án thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi cơ quan quản lý theo đúng quy định.

5. Thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình quản lý, giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra. Theo dõi diễn biến chất lượng đất, nước dưới đất trong 03 năm liên tục, khi kết quả ổn định cơ quan quản lý nhà nước sẽ xem xét việc giảm nội dung về thông số quan trắc nếu như không ảnh hưởng đến môi trường.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án phát sinh sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân, đối tượng xung quanh phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định (nếu có)/.